| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 13 – VĨNH LONG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST.**
**Ngày 05/5/2026.**
*"V/v Tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Phương Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phước Thị Kim Huê;

2. Ông Diệp Chanh Tha.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Ý Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long*** *tham gia phiên toà:* Ông Cao Văn Nở – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2026/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2026, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 49/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/01/1968; Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Thạch C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào năm 2009, bà và ông Thạch C qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có tiến hành lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống, bà và ông Thạch C có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường nhậu nhẹt, không lo cho cuộc sống

gia đình và đánh đập bà nhiều lần. Ông C không tôn trọng bà và thường sua đuổi bà nhiều lần nên vào năm 2023 bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Sau đó, ông C nhiều lần qua rước và năn nỉ bà về nhưng do nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà không đồng ý về chung sống với ông C nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thạch C. Về con chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác. Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Tại phiên toà, bị đơn ông Thạch C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.*

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Thạch C. Về con chung không có, bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Thạch C là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ hai không

lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thạch C, địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[3] *Về hôn nhân*: Vào năm 2009 bà L và ông C xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND xã L, tỉnh Vĩnh Long). Từ đó xác định hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp.

*Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là do ông C không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Ông C không tôn trọng bà và đánh đập bà nhiều lần nên vào năm 2023 bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Khi vợ chồng bà xảy ra cự cải thì ông C nhiều lần qua năn nỉ và rước bà về nhưng bà không đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết xin ly hôn với ông Thạch C.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Thạch C đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.*

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông C có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không quan liên lạc. Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định bà không còn tình cảm với ông C, bà cương quyết xin ly hôn với ông C. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đều vắng mặt không lý do thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, về hôn nhân xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Thạch C.

[4] *Về con chung:* Bà L và ông C không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng*: Bà L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- *Về hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Thạch C.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Thạch C không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Bà Nguyễn Thị L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung của vợ chồng*: Bà Nguyễn Thị L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003419, ngày 02 tháng 3 năm 2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Bà L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L và ông Thạch C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương Hà**